

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Công nghệ kỹ thuật ô tô

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
- 2. Mã học phần:** TANH 331
- 3. Số tín chỉ:** 03(3,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 2
- 5. Phân bổ thời gian:**
  - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
  - Tự học: 90 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh cơ bản 2
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	<a href="mailto:Dangthanhhd79@gmail.com">Dangthanhhd79@gmail.com</a>
2	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<a href="mailto:Trang.phamhuyen88@gmail.com">Trang.phamhuyen88@gmail.com</a>

### 8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 14 bài học cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng và thuật ngữ về lĩnh vực kỹ thuật nói chung và kỹ thuật ô tô nói riêng về các chủ điểm: Giới thiệu chung về ô tô, các bộ phận ô tô, nội thất ô tô, ngoại thất ô tô, các thông số kỹ thuật, an toàn tại phân xưởng, báo cáo sự cố...

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản môn tiếng Anh chuyên ngành về từ vựng, ngữ pháp và sử dụng các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở một số tình huống giao tiếp chuyên ngành đơn giản; đặc biệt chú trọng kỹ năng Đọc hiểu. Củng cố ngữ pháp cơ bản cũng như cung cấp một số hiện tượng ngữ pháp mới liên quan đến chuyên ngành: Câu ghép, câu phức, thể bị động...

Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng đọc-dịch, hiểu được một số tài liệu chuyên ngành, giao tiếp ở mức độ cơ bản.

### 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

#### 9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Liệt kê các từ vựng, cấu trúc tiếng Anh về chuyên ngành ô tô,... Xác định các bộ phận ô tô, nội thất và ngoại thất, cách lắp ráp bộ phận, chức năng các bộ phận, các thông số kỹ thuật...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Giải thích cách diễn đạt về các chủ điểm: Chào hỏi, hẹn gặp, địa điểm, nơi chốn, nghề nghiệp, công việc thường ngày, sự việc đã hoặc đang diễn ra, dự định tương lai, miêu tả người, nơi chốn, sở thích, thời trang, đời sống xã hội. Phân biệt cách sử dụng các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, câu bị động, câu mệnh lệnh, so sánh của tính từ...	2	[1.2.1.1b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Vận dụng từ vựng, cấu trúc về các chủ điểm thông thường trong công việc: miêu tả một sản phẩm, hướng chuyển động, được các cách lắp ráp bộ phận động cơ ô tô, hệ thống giảm xóc, bộ truyền động, ...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Xây dựng các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm trong chương trình.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Hệ thống câu, đoạn hội thoại sử dụng các cấu trúc, từ vựng đã học về cách thức sự việc đang xảy ra...	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
<b>MT3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế	3	[1.2.3.1]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
	trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.		
MT3.2	Sinh viên có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Trình bày được các thuật ngữ chuyên ngành, các bộ phận, thông số kỹ thuật chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô.	1	[2.1.3]
CDR1.2	Giải thích được các quy trình, các vận hành, lắp ráp cơ bản bằng tiếng Anh.	2	[2.1.3]
<b>CDR2</b>	<b>Kĩ năng</b>		
CDR2.1	Ứng dụng từ vựng, cấu trúc để dịch được các tài liệu chuyên ngành đơn giản.	3	[2.2.8]
CDR2.2	Giao tiếp được một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	4	[2.2.8]
<b>CDR3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

**10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:**

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1: Introduction to the car <i>1.1. Factors involved in buying a car</i> <i>1.2 Types of car and car sales</i>	X		X	X	X	X	X
2	Unit 2: Parts (1) <i>2.1. Word list</i> <i>2.2 Naming</i> <i>2.3. Assembling</i>	X		X	X	X	X	X
3	Unit 3: Parts (2) <i>3.1 Word list</i> <i>3.2. Assembling</i>	X	X	X	X	X	X	X
4	Unit 4: The exterior <i>4.1 Exterior car parts</i> <i>4.2 Car production</i>	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 5: The interior <i>5.1 Interior car parts</i> <i>5.2 A delivery problem</i>	X	X	X	X	X	X	X
6	Unit 6: Movement <i>6.1 Word list</i> <i>6.2 Action</i>	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 7: Flow <i>7.1 Word list</i> <i>7.2 Electrical circuit</i> <i>7.3 Cooling system</i>	X	X	X	X	X	X	X
8	Unit 8: Materials and Specifications <i>8.1 Word list</i> <i>8.2 Materials</i> <i>8.3 Specifications</i>	X	X	X	X	X	X	X
9	Unit 9: Reporting	X	X	X	X	X	X	X

	9.1 <i>Damage and loss</i> 9.2. <i>Car manufacture</i> 9.3. <i>Practice</i>							
10	Unit 10: Troubleshooting 10.1 <i>Word list</i> 10.2 <i>Operation</i>	X	X	X	X	X	X	X
11	Unit 11: Safety 11.1 <i>Rules and warnings</i> 11.2 <i>Safety hazards</i>	X		X	X	X	X	X
12	Unit 12: Cause and effect 12.1 <i>Pistons and valves</i> 12.2 <i>Safety hazards</i>	X	X	X	X	X	X	X
13	Unit 13: Checking and confirming 13.1. <i>Reading</i> 13.2 <i>Speaking</i> 13.3 <i>Practice</i>	X	X	X	X	X	X	X
14	Unit 14: Action 14.1 <i>Team work</i> 14.2 <i>Training</i>	X	X	X	X	X	X	X

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập đọc, viết, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi..., bài tập đọc đoạn văn, dịch sang tiếng Việt, dịch sang tiếng Anh..., bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên, điểm bài tập	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

### **11.3. Phương pháp đánh giá**

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên chỉ được dùng bút mực hoặc bút bi và giấy nháp trắng. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 6 câu hỏi với các yêu cầu: hoàn thành câu, viết lại câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu, dịch. Điểm chấm được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trường bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TT,KT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và được in sao đề tại phòng TT,KT&ĐBCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng tài liệu và chỉ được dùng bút mực hoặc bi và giấy nháp trắng để làm bài... Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm ngay trên giấy A4 được thiết kế theo mẫu riêng theo yêu cầu của học phần. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 6 câu hỏi với các yêu cầu: Hoàn thành câu, viết lại câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu, dịch. Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

### **12. Phương pháp dạy và học**

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ- Biết-Vận dụng-Phân tích- Đánh giá-Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Tăng cường hoạt động tự học của sinh viên bằng các hoạt động bài tập nhóm, thuyết trình...

Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng, tư duy trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được sự linh hoạt, nhanh nhạy chính xác trong liên hệ giữa các thuật ngữ, nội dung chuyên ngành với cách trình bày, diễn đạt trong ngoại ngữ. Chủ động tiếp cận với các phương pháp học trực tuyến, các công cụ hỗ trợ dịch thuật, các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh với sự trợ giúp của công nghệ và tích cực trong giờ tự học ở nhà.

### 13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập ứng dụng trong giờ quá trình học, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

### 14. Tài liệu phục vụ học phần

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Tiếng Anh ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô, trường Đại học Sao Đỏ, in lưu hành nội bộ, 2015

- *Tài liệu tham khảo*

[2] English grammar in use, Raymond Murphy, Nhà xuất bản lao động

[3] Từ điển Anh - Việt, Việt - Anh

### 15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<b>Unit 1: Introduction to the car</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày được các loại	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 126 – 128 [2] - Bài tập c trang 2; a, b trang 2; b, c trang 4 - [1] - Bài tập tự học (BTTH): a, b trang 5, 6; bài đọc trang 112 –

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>hình xe ô tô</p> <p>- Hiểu và giới thiệu được các yếu tố liên quan đến ngành dịch vụ ô tô</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>1.1. Factors involved in buying a car</b></p> <p>1.1.1 Warm – up</p> <p>1.1.2 Listening</p> <p><b>1.2 Types of car and car sales</b></p> <p>1.2.1 Listening</p> <p>1.2.2 Speaking</p> <p>1.2.3 Practice</p>				[1]
2	<p><b>Unit 2: Parts(1)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Đọc được các bộ phận cơ bản của xe ô tô bằng tiếng Anh</p> <p>- Nói được về cách lắp ráp các bộ phận cơ bản.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>2.1. Word list</b></p> <p><b>2.2 Naming</b></p> <p>2.2.1 Listening</p> <p>2.2.2 Speaking</p> <p>2.2.3 Practice</p>	3		[1] [2] [3]	<p>- Đọc trang 6-8, 205 – 212, 300 - 310 [2]</p> <p>- Tra từ, làm bài tập phần 2.1 trang 8 - [1]</p> <p>- BTTH: 5, 6, 7, 8, trang 12, 13, bài đọc trang 117 [1]</p>
3	<p><b>Unit 3: Parts(2)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày được các bộ phận cơ bản của xe ô tô bằng tiếng Anh</p> <p>- Hội thoại được về cách lắp ráp các bộ phận cơ bản.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>3.1 Word list</b></p> <p><b>3.2. Assembling</b></p> <p>3.2.1 Listening</p> <p>3.2.2 Speaking</p>	3		[1] [2] [3]	<p>- Đọc trang 6-8, 205 – 212, 300 - 310 [2]</p> <p>- Tra từ phần 3.1 trang 14 [1], [3]</p> <p>- BTTH: bài tập 5, 6, 7, 8,9, 10 trang 18, 19, 20 bài đọc trang 126 - [1]</p>



TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.2.3 Reading 3.2.4 Practice				
4	<p><b>Unit 4: The exterior</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miêu tả được các thiết kế ngoại thất của xe ô tô bằng tiếng Anh</li> <li>- Nghe, hội thoại được về thiết kế xe.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>4.1 Exterior car parts</b></p> <p><b>4.2 Car production</b></p> <p>4.2.1 Reading</p> <p>4.2.2 Listening</p> <p>4.2.3 Speaking</p> <p>4.2.4 Further reading</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trang 102 – 108 [2]</li> <li>- Tra từ mục 4.1.1 trang 21, bài đọc a trang 23 - [1], [3]</li> <li>- BTTH: bài tập 4.1.2, 4.1.3 trang 22; bài tập 4.2.4 trang 27, bài đọc trang 135 - [1]</li> </ul>
5	<p><b>Unit 5: The interior</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miêu tả được các thiết kế nội thất của xe ô tô bằng tiếng Anh.</li> <li>- Đọc được các thuật ngữ về nội thất các loại xe khác nhau.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>5.1 Interior car parts</b></p> <p><b>5.2 A delivery problem</b></p> <p>5.2.1 Listening</p> <p>5.2.2 Speaking</p> <p>5.2.3 Writing</p> <p>5.2.3 Reading</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trang 4 -6 [2]</li> <li>- Tra từ bài tập 5.1.2 a trang 28 - [1], [3]</li> <li>- BTTH: mục 5.1.2 trang 29, mục 5.2.2 trang 30, 31, mục 5.2.4 a, b, c trang 32, 33, 34, bài đọc trang 145 - [1]</li> </ul>
6	<p><b>Unit 6: Movement</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được quá trình vận hành, chuyển động của xe ô tô bằng tiếng Anh</li> <li>- Hội thoại về các bước vận hành xe.</li> </ul>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trang 61 – 65 [2]</li> <li>- Tra từ mục 6.1 trang 35- [1], [3]</li> <li>- BTTH: 5, 6,8 trang 39, 40 - [1]</li> </ul>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>6.1 Word list</b></p> <p><b>6.2 Action</b></p> <p>6.2.1 Reading</p> <p>6.2.2 Speaking</p> <p>6.2.3 Writing</p> <p>6.2.4 Practice</p>				
7	<p><b>Unit 7: Flow</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Đọc được các thông số kỹ thuật bằng tiếng Anh về dòng điện, hệ thống làm mát</p> <p>- Nghe, hội thoại được các tình huống thực tế về điện xe.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>7.1 Word list</b></p> <p><b>7.2 Electrical circuit</b></p> <p>7.2.1 Listening</p> <p>7.2.2 Reading</p> <p><b>7.3 Cooling system</b></p> <p>7.3.1 Speaking</p> <p>7.3.2 Reading</p> <p>7.3.3 Practice</p>	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 6 -7, 92 – 93 - [2] - Tra từ mục 7.1 trang 42, mục 7.2.2, 7.3.1 - [1], [3] - BTTH: 5, 6,7 trang 48 - [1]
8	Kiểm tra giữa học phần	3		[1] [2] [3]	Ôn tập từ vựng ngữ pháp từ Unit 1 đến unit 7
9	<p><b>Unit 8: Materials and Specifications</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Hiểu và nói được về các loại vật liệu, các chỉ số kỹ thuật liên quan đến ô tô</p> <p>- Đọc được các tài liệu chuyên ngành có thông số kỹ thuật.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>8.1 Word list</b></p>	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 4 -6, 168 – 175 - [2] - Tra từ mục 8.1 trang 49, 8.2.1, trang 53 - [1], [3] - BTTH: mục 8.2.3 trang 51, 52, 53; mục 8.3.2 trang 57 - [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<b>8.2 Materials</b> 8.2.1 Reading 8.2.2 Speaking 8.2.3 Practice <b>8.3 Specifications</b> 8.3.1 Listening 8.3.2 Practice				
10	<b>Unit 9: Reporting</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày được các lỗi sai hỏng có thể gặp phải trong quá trình sản xuất ô tô - Nghe, hội thoại được các tình huống sai hỏng <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>9.1 Word list</b> <b>9.2 Damage and loss</b> 9.2.1 Listening 9.2.2 Speaking 9.2.3 Practice	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 13 – 14, trang 18 -28 [2] - Tra từ mục 9.1 trang 59, mục 9.3.2 trang 61- [1], [3] - BTTH: bài tập 2, 3 mục 9.2.3 trang 62, 63 - [1]
11	<b>Unit 10: Troubleshooting</b> <b>Mục tiêu:</b> - Đọc được các bước vận hành, điều khiển trong sản xuất và sử dụng ô tô - Hiểu và sử dụng đúng các từ nối chỉ trình tự. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>10.1 Word list</b> <b>10.2 Operation</b> 10.2.1 Listening 10.2.2 Speaking 10.2.3 Practice	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 6 – 8, trang 118 - 120 - [2] - Tra từ mục 10.1 trang 65, mục 10.2.3 trang 69 - [1], [3] - BTTH: bài tập 4, 5 mục 10.2.3 trang 68 - [1]
12	<b>Unit 11: Safety</b> <b>Mục tiêu:</b> - Hiểu và nêu được các cảnh báo nguy hiểm cũng như các quy tắc an toàn	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 6 – 8, trang 118 - 120 - [2] - Tra từ bài tập 4 trang 74, bài tập 6 trang 75 mục 11.2.4 - [1], [3] - BTTH: bài tập 1, 2, 3, 5 trang

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>trong nhà xưởng.</p> <p>- Nghe, hội thoại được trong các tình huống khẩn cấp.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>11.1 Rules and warnings</b></p> <p>11.1.1 Listening</p> <p>11.1.2 Reading</p> <p><b>11.2 Safety hazards</b></p> <p>11.2.1 Listening</p> <p>11.2.2 Speaking</p> <p>11.2.3 Writing</p>				73, 74, 75 - [1]
13	<p><b>Unit 12: Cause and effect</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày được các mối quan hệ giữa các bộ phận và quy trình vận hành ô tô (pít tông, van...); - Viết đoạn văn miêu tả quy trình vận hành theo biểu đồ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>12.1 Pistons and valves</b></p> <p>12.1.1 Reading</p> <p>12.1.2 Writing</p> <p><b>12.2 Safety hazards</b></p> <p>12.2.1 Listening</p> <p>12.2.2 Reading</p> <p>12.2.3 Speaking</p> <p>12.2.4 Practice</p>	3		[1] [2] [3]	<p>- Đọc 129 – 142 - [2]</p> <p>- Tra từ bài tập 4 trang 74, bài tập 6 trang 75 mục 11.2.4 - [1], [3]</p> <p>- BTTH: bài tập 1, 2, 3, 5 trang 73, 74, 75 - [1]</p>
14	<p><b>Unit 13: Checking and confirming</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Nêu được cách thức kiểm tra kỹ thuật và xác nhận chất lượng sản phẩm</p> <p>- Đọc và hội thoại về công đoạn kiểm định chất lượng sản phẩm.</p>	3		[1] [2] [3]	<p>- Đọc trang 6 – 8, 13 – 14, 18 – 28, 118 – 120 - [2]</p> <p>- Tra từ mục 13.1.1 trang 90, mục 13.3.3 trang 90 - [1], [3]</p> <p>- BTTH: bài tập mục 13.2.3 trang 89, 90, 91, 92 - [1]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<b>Nội dung cụ thể:</b> <b>13.1 Data</b> 13.1.1 Reading 13.1.2 Speaking <b>13.2 Instrucitons</b> <b>13.3 Progress</b> 13.3.1 Listening 13.3.2 Speaking 13.2.3 Practice				
15	<b>Unit 14: Action</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày được các nội dung liên quan đến làm việc nhóm, đào tạo dạy nghề trong sản xuất ô tô - Hội thoại được về việc phân công công việc và trách nhiệm theo nhóm. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>14.1 Team work</b> 14.1.1 Warm - up 14.1.2 Reading <b>14.2 Training</b> 14.2.1 Listening 14.2.2 Speaking 14.2.3 Reading 14.2.4 Practice	3		[1] [2] [3]	- Đọc trang 6 – 8, 13 – 14, 18 – 28, 118 – 120 [2] - Tra từ mục 14.1.2, 14.1.3 trang 98; mục 14.2.4 - [1], [3] - BTTH: bài tập mục 14.2.4 từ trang 98 đến trang 103 - [1]
16	<b>Ôn thi kết thúc học phần</b>			[1] [2][3]	Ôn tập theo đề cương ôn tập kết thúc học phần

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN



TS. Phi Đăng Tuệ

Hoàng Đức Đoàn

Trịnh Thị Chuyên